

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 334/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2021

V/v ly hôn giữa anh H và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân.

Ông Triệu Văn Giản

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-6-2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Lê Đức H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 75I, ô 18, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có mặt

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 75I, ô 18, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 20-5-2021, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Anh Lê Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và Chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được khoảng mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hòa

hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H thiếu trách nhiệm với gia đình chồng trong khi gia đình, bố đẻ của chị H anh luôn chu đáo. Ngoài ra, vợ chồng mỗi người theo một tôn giáo nên trong cuộc sống không thể hoà hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và Chị Nguyễn Thị N không còn, anh có nguyện vọng ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lê Việt H (giới tính: Nam), sinh ngày 30-01-2011 và Lê Mai H (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-01-2013. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai vào ngày 02-6-2021 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn như anh H trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra những mâu thuẫn trong cuộc sống cũng như kinh tế khó khăn. Chị đi làm công nhân nên nhiều khi đi làm về muộn, ít quan tâm đến chồng con và gia đình chồng. Năm năm qua chị đã cố gắng vì con, cố gắng quan tâm đến gia đình chồng hơn, chị về thăm bố đẻ chỉ biếu chút quà, tín ngưỡng tôn giáo của chị, chị cũng không theo nhiều nhưng anh H không hiểu nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 03-2021 cho đến nay vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và sống ly thân, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế cũng như tình cảm. Ngoài ra, chị còn nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Sau đó, trong lúc nóng giận chị đã nói với anh H không ly thân mà ly hôn luôn nhưng chị vẫn còn mong anh H suy nghĩ lại vì các con. Quan điểm của chị về tình cảm vợ chồng vẫn còn và chị vì con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lê Việt H (giới tính: Nam), sinh ngày 30-01-2011 và Lê Mai H (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-01-2013. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng chị cũng đồng ý, không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên thu thập tài liệu chứng cứ ngày 21-6-2021 tại chính quyền địa phương đã xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H là có mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng anh chị có 02 con chung, hiện nay các con đang sinh sống cùng chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H là hôn nhân hợp pháp. Nay hôn nhân của anh H và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao 02 con chung là Lê Việt H (giới tính: Nam), sinh ngày 30-01-2011 và Lê Mai H (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-01-2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng kể từ tháng 07/2021 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động được là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 10-8-2009 nên hôn nhân giữa anh H và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Quá trình chung sống anh H và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm. Ngoài ra, vợ chồng mỗi người một tôn giáo nên lối sống và suy nghĩ khác biệt làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án đã hòa giải phân tích, tạo điều kiện cho anh H và chị H

khắc phục mâu thuẫn. Mặc dù, chị H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, anh H vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với chị H. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh H và chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của hai bên cùng có quan điểm vợ chồng ly hôn hai con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thực tế hiện tại 02 con đang sinh sống cùng chị H và cháu Lê Việt Hà, cháu Lê Mai Hương đều có nguyện vọng được ở với chị H sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, ổn định tâm lý của các con sau khi bố mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận giữa Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N giao cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Lê Việt H (giới tính: Nam), sinh ngày 30-01-2011 và Lê Mai H (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-01-2013 theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N. Anh Lê Đức H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng kể từ tháng 07/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động được.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh H, chị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Anh Lê Đức H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H là người có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con Lê Việt H (giới tính: Nam), sinh ngày 30-01-2011 và Lê Mai H (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-01-2013. Anh Lê Đức H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng kể từ tháng 07/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động được.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Đức H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đức H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) Anh Lê Đức H đã nộp tại biên lai số 0003695 ngày 20-5-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Anh Lê Đức H còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Anh Lê Đức H và Chị Nguyễn Thị N có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường H,
TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng

